

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao
tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông
thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025**

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc quản lý “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025” được phê duyệt tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện và tham gia Chương trình; cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị quản lý nhiệm vụ thuộc Chương trình* (sau đây viết tắt là Đơn vị quản lý nhiệm vụ) là đơn vị được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phân công thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Chương trình, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc tổ chức thực hiện và hiệu quả của Chương trình.

2. *Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình* (sau đây viết tắt là Đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phân công trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. *Tổ chức chủ trì dự án* là tổ chức được giao trực tiếp xây dựng và tổ chức thực hiện dự án thuộc Chương trình.

4. *Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ* là tổ chức thực hiện việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho Tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình.

Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình

Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm các dự án và nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình.

1. *Dự án thuộc Chương trình* là dự án ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Mục III Điều 1 Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1747/QĐ-TTg).

2. *Nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình* là các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của người tham gia Chương trình, xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện truyền thông của Chương trình theo quy định tại điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Mục III Điều 1 của Quyết định số 1747/QĐ-TTg và các nhiệm vụ phục vụ quản lý Chương trình. Trong đó, các nhiệm vụ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Mục III Điều 1 của Quyết định số 1747/QĐ-TTg thực hiện lồng ghép trong các dự án nêu tại khoản 1 của Điều này.

Điều 4. Phân nhóm các dự án thuộc Chương trình

Các dự án thuộc Chương trình được phân thành 2 nhóm:

1. Dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý (sau đây gọi tắt là dự án do Trung ương quản lý) là dự án có quy mô lớn, kết quả dự kiến đạt được có khả năng ứng dụng rộng rãi ở nhiều tỉnh, thành phố.

2. Dự án ủy quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý (sau đây gọi tắt là dự án ủy quyền cho địa phương quản lý) là dự án không thuộc khoản 1 của Điều này.

3. Việc phân nhóm các dự án trên do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn xác định danh mục các dự án thuộc Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý Chương trình

1. Quản lý dự án thuộc Chương trình

a) Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý chung các dự án thuộc Chương trình và trực tiếp quản lý các dự án do Trung ương quản lý;

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm xác định danh mục các dự án được hỗ trợ (bao gồm các dự án do Trung ương quản lý và các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý); trực tiếp thực hiện việc xét duyệt thuyết minh, phê duyệt dự án, ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh trong quá trình thực hiện và đánh giá nghiệm thu, phê duyệt kết quả thực hiện dự án do Trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

Trên cơ sở danh mục các dự án được Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phê duyệt thuyết minh, phê duyệt dự án, ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh trong quá trình thực hiện và nghiệm thu, phê duyệt kết quả thực hiện dự án được ủy quyền quản lý;

Thực hiện việc phối hợp quản lý giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và địa phương trong quản lý các dự án trên địa bàn.

2. Quản lý các nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình

Các nhiệm vụ thường xuyên quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này do Đơn vị quản lý kinh phí tổ chức thực hiện.

3. Thực hiện việc công khai, minh bạch các thông tin liên quan tới dự án thuộc Chương trình theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Yêu cầu đối với Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm dự án, Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ, công nghệ được ứng dụng và thời gian thực hiện dự án

1. Tổ chức chủ trì dự án:

- a) Là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Có cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo thực hiện dự án; có năng lực huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách và các nguồn lực khác thực hiện dự án;
- c) Trực tiếp thực hiện dự án, tiếp thu và thụ hưởng kết quả của dự án;
- d) Có năng lực tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa hoặc tổ chức sản xuất hàng hóa tạo sinh kế cho người dân tại vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số;
- đ) Có trụ sở tại tỉnh, thành phố triển khai dự án trừ trường hợp đặc thù được Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, chấp thuận;
- e) Không thuộc trường hợp không đủ điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 4 của Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chủ nhiệm dự án cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Là người lao động thuộc Tổ chức chủ trì dự án, có chuyên môn phù hợp, có trình độ từ tốt nghiệp cao đẳng trở lên về lĩnh vực công nghệ chuyển giao trong dự án và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác đối với người có trình độ đại học trở lên và ít nhất 05 năm đối với người có trình độ cao đẳng;
- b) Không thuộc trường hợp không đủ điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 4 của Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ:

- a) Là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Có đủ lực lượng cán bộ khoa học làm chủ công nghệ được ứng dụng, có khả năng chuyển giao công nghệ;

c) Là chủ sở hữu công nghệ hoặc có quyền chuyển giao hợp pháp công nghệ hoặc là Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước tạo ra công nghệ được ứng dụng chuyển giao.

4. Công nghệ lựa chọn để ứng dụng chuyển giao đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hướng vào giải quyết những vấn đề có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của nơi thực hiện dự án và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái; phù hợp với nhu cầu phát triển và điều kiện thực tế của vùng miền, địa phương và mục tiêu của Chương trình;

b) Tiên tiến, có tính mới và hiệu quả hơn so với công nghệ hiện có đang áp dụng rộng rãi tại địa phương;

c) Đã có quy trình kỹ thuật ổn định, phù hợp với khả năng tiếp thu của các tổ chức và người dân nơi thực hiện dự án;

d) Được công nhận là tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp quốc gia đã được đánh giá, nghiệm thu từ mức đạt trở lên hoặc được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép ứng dụng chuyển giao.

5. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện dự án tối đa là 36 tháng. Đối với dự án trồng các loại cây lâu năm, trồng rừng, phát triển vùng nguyên liệu kết hợp chế biến và một số đối tượng đặc biệt khác thời gian có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 tháng.

Điều 7. Mã số của các dự án thuộc Chương trình

Các dự án thuộc Chương trình được ghi như sau:

NTMN.TW(ĐP).XX-20YY, trong đó:

1. NTMN: Là ký hiệu chung cho dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025;

2. TW: Là ký hiệu dự án do Trung ương quản lý;

3. ĐP: Là ký hiệu dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

4. XX: Là ký hiệu số thứ tự của dự án;

5. YY: Là ký hiệu 2 chữ số cuối của năm bắt đầu thực hiện dự án.

Điều 8. Thông tin và lưu giữ kết quả thực hiện Chương trình

1. Thông tin về dự án thuộc Chương trình (bao gồm: tên, mục tiêu, nội